## MA TRẬN, BẢN ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KÌ 2 MÔN KHOA HỌC TỰ NHIÊN, LỚP 6

**I. MA TRẬN**

**- Thời điểm kiểm tra:** *Kiểm tra giữa học kì 2; Chương VIII Từ bài 27 đến 34 (26 tiết)*

**Thời gian làm bài:** *90 phút.*

**- Hình thức kiểm tra:** *Kết hợp giữa trắc nghiệm và tự luận (tỉ lệ 40% trắc nghiệm, 60% tự luận)*

**- Cấu trúc:**

- Mức độ đề:*40% Nhận biết; 30% Thông hiểu; 20% Vận dụng; 10% Vận dụng cao.*

- Phần trắc nghiệm: 4,0 điểm *(gồm 16 câu hỏi: Nhận biết: 16 câu, mỗi câu 0,25 điểm.)*

- Phần tự luận: 6,0 điểm *(Thông hiểu: 3,0 điểm; Vận dụng: 2,0 điểm; Vận dụng cao: 1,0 điểm)*

- Nội dung chương VIII

*Xem thêm tại Website VnTeach.Com https://www.vnteach.com*

**-KHUNG MA TRẬN**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Chủ đề** | **Đơn vị kiến thức** | **MỨC ĐỘ** | | | | | | | | | | **Tổng số câu** | | **Điểm số** |
| **Nhận biết** | | **Thông hiểu** | | | **Vận dụng** | | | **Vận dụng cao** | |
| **Tự luận** | **Trắc nghiệm** | **Tự luận** | **Trắc nghiệm** | **Tự luận** | | **Trắc nghiệm** | **Tự luận** | | **Trắc nghiệm** | **Tự luận** | **Trắc nghiệm** |
| *Đa dạng thế giới sống (26 tiết)* | - Sự đa dạng nguyên sinh vật, một số bệnh do nguyên sinh vật gây nên. (4 tiết) |  | 2 | 1(1) |  |  | |  |  | |  | 1 | 2 | **1,5** |
| - Sự đa dạng nấm, vai trò của nấm, một số bệnh do nấm gây ra.(4 tiết) |  | 2 |  |  |  | |  | 1(1) | |  | 1 | 2 | **1,5** |
| - Sự đa dạng của thực vật, động vật và bảo vệ đa dạng sinh học **(**14 tiết) |  | 10 | 1 (1) |  | 3 | |  |  | |  | 4 | 10 | **5,5** |
| - Tìm hiểu các sinh vật ngoài thiên nhiên  (4 tiết) |  | 2 | 1 (1) |  |  | |  |  | |  | 2 | 2 | **1,5** |
| Số câu TN/số ý TL |  |  | 16 | 3 |  | 2 | |  | 1 | |  | 8 | 16 | **22** |
| Điểm số |  |  | 4,0 | 3,0 |  | 2,0 | |  | 1,0 | |  | 6,0 | 4,0 | **10** |
| **Tổng điểm** |  | **4,0 điểm** | | **3,0 điểm** | | | **2,0 điểm** | | | **1,0 điểm** | |  |  |  |

**II. BẢN ĐẶC TẢ**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Nội dung** | **Mức độ** | **Yêu cầu cần đạt** | **Số ý/Số câu hỏi** | | | | **Câu hỏi** | | | | |
| **TN(số câu)** | | **TL(số ý)** | | **TN(câu số)** | **TL(câu số)** | | | |
| **Sự đa dạng nguyên sinh vật, một số bệnh do nguyên sinh vật gây nên.** | **Nhận biết** | - Nêu được một số bệnh do nguyên sinh vật gây nên. | 1 | |  | | C1 | | |  | |
| - Nhận biết được một số đối tượng nguyên sinh vật thông qua quan sát hình ảnh, mẫu vật (ví dụ: trùng roi, trùng đế giày, trùng biến hình, tảo silic, tảo lục đơn bào, ...). | 1 | |  | | C3 | | |  | |
| **Thông hiểu** | - Dựa vào hình thái, nêu được sự đa dạng của nguyên sinh vật. |  | |  | |  | | |  | |
| - Trình bày được cách phòng và chống bệnh do nguyên sinh vật gây ra. |  | | 1 | |  | | | C17 | |
| **Vận dụng** | Thực hành quan sát và vẽ được hình nguyên sinh vật dưới kính lúp hoặc kính hiển vi. |  | |  | |  | | |  | |
| **- Sự đa dạng nấm, vai trò của nấm, một số bệnh do nấm gây ra.** | **Nhận biết** | Nêu được một số bệnh do nấm gây ra. | 1 | |  | | C2 | | |  | |
| - Nhận biết được một số đại diện nấm thông qua quan sát hình ảnh, mẫu vật (nấm đơn bào, đa bào. Một số đại diện phổ biến: nấm đảm, nấm túi, ...). | 1 | |  | | C4 | | |  | |
| **Thông hiểu** | Dựa vào hình thái, trình bày được sự đa dạng của nấm. |  |  | |  | | |  | |
| - Trình bày được vai trò của nấm trong tự nhiên và trong thực tiễn (nấm được trồng làm thức ăn, dùng làm thuốc,...). |  |  | |  | | |  | |
| - Trình bày được cách phòng và chống bệnh do nấm |  |  | |  | | |  | |
| gây ra. |  |  | |  | | |  | |
| **Vận dụng** | Thông qua thực hành, quan sát và vẽ được hình nấm (quan sát bằng mắt thường hoặc kính lúp). |  |  | |  | | |  | |
| **Vận dụng cao** | Vận dụng được hiểu biết về nấm vào giải thích một số hiện tượng trong đời sống như kĩ thuật trồng nấm, nấm ăn được, nấm độc, ... |  | 1 | |  | | | C22 | |
| **- Sự đa dạng của thực vật, động vật và bảo vệ đa dạng sinh học** | **Nhận biết** | - Nhận biết được các nhóm động vật không xương sống dựa vào quan sát hình thái. Gọi tên được một số con vật điển hình | **3** |  | | C10, C13, C14 | | |  | |
| - Nhận biết được các nhóm động vật có xương sống dựa vào quan sát hình thái. Gọi tên được một số con vật điển hình | **4** |  | | C5, C12, C15, C16 | | |  | |
| - Nêu được một số tác hại của động, thực vật trong đời sống. | **3** |  | | C6, C8, C9 | | |  | |
| **Thông hiểu** | - Dựa vào sơ đồ, hình ảnh, mẫu vật, phân biệt được các nhóm thực vật: Thực vật không có mạch (Rêu); Thực vật có mạch, không có hạt (Dương xỉ); Thực vật có mạch, có hạt (Hạt trần); Thực vật có mạch, có hạt, có hoa (Hạt kín). |  |  | |  | | |  | |
| - Phân biệt được hai nhóm động vật không xương sống và có xương sống. Lấy được ví dụ minh họa |  | 2 | |  | | | C19 | |
| - Trình bày được vai trò của thực vật trong đời sống và trong tự nhiên: làm thực phẩm, đồ dùng, bảo vệ môi trường (trồng và bảo vệ cây xanh trong thành phố, trồng cây gây rừng, ...). |  |  | |  | | |  | |
| **Vận dụng** | Quan sát hình ảnh, mẫu vật thực vật và phân chia được thành các nhóm thực vật theo các tiêu chí phân loại đã học. |  | 1 | |  | | | C18 | |
| - Sử dụng được khóa lưỡng phân để phân loại một số nhóm sinh vật |  | 1 | |  | | | C20 | |
| **- Tìm hiểu các sinh vật ngoài thiên nhiên** | **Nhận biết** | - Nêu được vai trò của đa dạng sinh học trong tự nhiên và trong thực tiễn (làm thuốc, làm thức ăn, chỗ ở, bảo vệ môi trường, … | **2** |  | | C7, C11 | | |  | |
| - Nhận biết được vai trò của sinh vật trong tự nhiên |  |  | |  | | |  | |
| **Thông hiểu** | - Quan sát và phân biệt được một số nhóm thực vật ngoài thiên nhiên |  | 2 | |  | | | C22 | |

**III. ĐỀ KIỂM TRA**

**ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KỲ 2 NĂM HỌC 2022 – 2023**

**MÔN: KHOA HỌC TỰ NHIÊN LỚP 6**

*Thời gian làm bài: 90 phút (không kể thời gian giao đề)*

**A. TRẮC NGHIỆM (4 điểm)****Câu 1.** Nguyên sinh vật là nhóm sinh vật

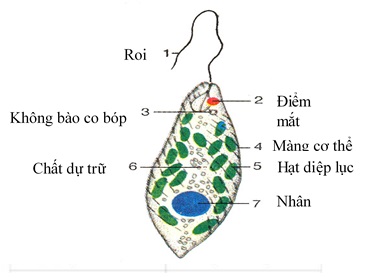
**A.** có cấu tạo tế bào nhân thực, đa số có kích thước hiển vi. **B.** có cấu tạo tế bào nhân sơ, đa số có kích thước hiển vi.

**C.** chưa có cấu tạo tế bào, đa số có kích thước hiển vi. **D.** có cấu tạo tế bào nhân thực, kích thước lớn.

**Câu 2.**Những loài nấm độc thường có điểm đặc trưng là

**A.** tỏa ra mùi hương quyến rũ. **B.** sống quanh các gốc cây.  
**C. có màu sắc rất sặc sỡ.** **D.** Có kích thước rất lớn.

**Câu 3.** Hình ảnh dưới đây chỉ loài nguyên sinh vật nào?



**A.** Trùng roi xanh **B.** Trùng đế giày

**C.** Trùng biến hình **D.** Tảo lục đơn bào

**Câu 4.** Nấm đảm là loại nấm có thể quả dạng

A. Hình túi B. Hình tai mèo  
 C. Sợi nấm phân nhánh D. Hình mũ

**Câu 5.**Trong các động vật sau, đâu là loài động vật có xương sống:

A. Giun đất B. Ốc sên C. Châu chấu D. Thỏ

**Câu 6.** Vì sao nói thực vật có vai trò bảo vệ đất và nguồn nước?

A. Thực vật có hệ rễ phát triển mạnh.  
B. Tán cây cản bớt sức nước chảy do mưa lớn gây ra.  
C. Thực vật có hệ rễ phát triển mạnh giữ đất, cản dòng chảy do mưa lớn gây ra, một phần nước mưa thấm dần xuống các lớp đất tạo thành nước ngầm.  
D. Tán lá cản bớt ánh sáng và tốc độ gió.

**Câu 7.** Dương xỉ sinh sản bằng

**A.** cách nảy chồi. **B.** củ. **C.** bào tử. **D.** hạt.

**Câu 8.** Thực vật có vai trò đối với động vật là

**A**. cung cấp thức ăn.                        **C**. cung cấp thức ăn, nơi ở.

**B**. ngăn biến đổi khí hậu. **D**. giữ đất, giữ nước.

**Câu 9.** Thực vật được chia thành các ngành nào?

**A**. Rêu, Dương xỉ, Hạt trần, Hạt kín. **B**. Nấm, Dương xỉ, Rêu, Quyết.

**C**. Hạt kín, Quyết, Hạt trần, Nấm. **D**. Nấm, Rêu, Tảo, và Hạt kín.

**Câu 10.** Tập hợp các loài nào dưới đây thuộc ngành ruột khoang?

**A**. Thủy tức, Hải quỳ, mực **B**. Thủy tức, Hải quỳ, san hô

**C**. Thủy tức, Hải quỳ, trùng biến hình **D**. Thằn lằn, rắn, cá voi, rùa.

**Câu 11.**Nhóm thực vật nào sau đây có đặc điểm: có mạch, có hạt, không có hoa?

**A.** Rêu.            **B.** Dương xỉ. **C**. Hạt trần.      **D.** Hạt kín.

**Câu 12.**  Động vật có xương sống bao gồm

**A.** cá, lưỡng cư, bò sát, chim, thú. **B.** cá, lưỡng cư, bò sát, ruột khoang, thú.

**C.** thân mềm, lưỡng cư, bò sát, chim, thú. **D.** cá, chân khớp, bò sát, chim, thú.

**Câu 13.**Cho các ngành động vật sau: (1) Thân mềm; (4) Ruột khoang; (2) Bò sá; t (5) Chân khớp; (3) Lưỡng cư; (6) Giun.

Động vật không xương sống bao gồm các ngành nào sau đây?

A. (1), (2), (3), (4) B. ( 1), (4), (5), (6)  
C. (2), (3), (5), (6) D. (2), (3), (4), (6)

**Câu 14.** Em hãy kể tên các nhóm động vật không xương sống?

A. Ruột khoang, giun, thân mềm, chân khớp

B. Ruột khoang, giun, thân mềm, chân khớp, cá

C. Ruột khoang, Động vật nguyên sinh, giun, thân mềm, chân khớp

D. Ruột khoang, giun, thân mềm, chân khớp, thú

**Câu 15.** Trong các động vật sau, đâu là loài động vật có xương sống:

A. Giun đất B. Ốc sên C. Châu chấu D. Thỏ

**Câu 16.**  Động vật nào sau đây thuộc lớp cá.

**A.** cá ngừ, cá chép, cá mè. **B.** cá ngừ, cá cóc Tam đảo, cá quả

**C.** ếch giun, cá cóc Tam đảo, cá quả **D.** cá ngừ, cá cóc Tam đảo, lươn

**PHẦN TỰ LUẬN (6,0 ĐIỂM)**

**Câu 17 (1 điểm).** Trình bày các biện pháp phòng chống bệnh do nguyên sinh vật gây ra.

**Câu 18** *(1,0 điểm)***.** Phân chia các cây sau đây vào các nhóm thực vật dựa theo đặc điểm của cơ thể: rau bợ, ớt, thông, dương xỉ, rêu, kim giao, khoai tây.

**Câu 19** *(1,0 điểm)***.** Phân biệt sự khác nhau giữa nhóm động vật không xương sống và có xương sống. Lấy được ví dụ minh họa.

**Câu 20** *(1,0 điểm)***.** Xây dựng khóa lưỡng phân phân loại các loài động vật sau: rắn, cá sấu, rùa, nhện, kiến, dơi?

**Câu 21 (1,0 điểm).** Có ý kiến cho rằng: "Môi trường trồng nấm rơm tốt nhất là gần địa điểm có chăn nuôi gia súc, gia cầm." Theo em, ý kiến trên đúng hay sai? Giải thích.

**Câu 22** *(1.0 điểm)***.** Hãy kể tên một số thực vật xung quanh trường em và phân chia chúng thành các nhóm thực vật dựa vào đặc điểm cơ thể.

**IV. HƯỚNG DẪN CHẤM**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 1 - A | 2 - C | 3 - A | 4 - D | 5 - D | 6 - C | 7 - C | 8 - C | 9 - A | 10 - B |
| 11 - C | 12 - A | 13 – B | 14 - A | 15 - D | 16 - A |  |  |  |  |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Câu** | **Đáp án** | **Điểm** |
| 17 | - Tiêu diệt côn trùng trung gian gây bệnh: muỗi, bọ gậy,…  - Vệ sinh an toàn thực phẩm  - Rửa tay sạch sẽ trước khi ăn và sau khi đi vệ sinh. | 0,5  0,25  0,25 |
| 18 | Các nhóm thực vật:  - Thực vật không có mạch: rêu  - Thực vật có mạch:  + Dương xỉ: rau bợ, dương xỉ  + Thực vật hạt trần: thông, kim giao  + Thực vật hạt kín: ớt, khoai tây | 0,25  0,25  0,25  0,25 |
| 19 | - ĐVKXS cơ thể không có xương sống  Ví dụ: thủy tức, sán, giun, mực, tôm,…  - ĐVCXS cơ thể có xương sống  Ví dụ: cá, ếch, chim, thỏ, mèo, … | 0,25  0,25  0,25  0,25 |
| 20 | Rắn, cá sấu, rùa, nhện, kiến, dơi  Có cánh hay không có cánh    Cơ thể có cánh Cơ thể không có cánh  Dơi Cá sấu, rùa, nhện, kiến, rắn  Có chân hay không có chân    Cơ thể có chân Cơ thể không chân  Cá sấu, rùa, nhện, kiến Rắn    Cơ thể có 4 chân Cơ thể 6 chân Cơ thể 8 chân  Cá sấu, Rùa Kiến Nhện  Có mai hay không có mai  Cơ thể có mai Cơ thể không có mai  Rùa Cá sấu | 0,25  0,25  0,25  0,25 |
| 21 | - Ý kiến trên là Sai.  - Bởi vì nơi trồng nấm phải là nơi thoáng mát và sạch sẽ. Sạch sẽ ở đây có nghĩa là phải xa nơi gần chuồng trại chăn nuôi gia súc, gia cầm (heo, gà vịt,...). Những nơi này thường bẩn, không thích hợp với điều kiện sống của nấm rơm. | 0,5  0,5 |
| 22 | - Một số loài thực vật xung quanh trường: rêu, dương xỉ, cây bàng, cây phượng, cây vạn tuế, cây hoa mười giờ  Các nhóm thực vật:  - Thực vật không có mạch: rêu  - Thực vật có mạch:  + Dương xỉ: dương xỉ  + Thực vật hạt trần: cây vạn tuế  + Thực vật hạt kín: cây bàng, cây phượng, cây hoa mười giờ | 0,2  0,2  0,2  0,2  0,2 |